

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 05 - 2024

V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Nga

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Ông Trần Hùng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2024/QĐ- TA ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thanh H**; nơi cư trú: **8 H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng**; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn C**; đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số A T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng**; hiện đang chấp hành án tại đội 25, phân trại **số F Trại giam T, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị **Phạm Thị Thanh H** trình bày: Chị và anh **Bùi Văn C** xây dựng gia đình với

nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/03/2008, đến nay có 01 con chung là Bùi Gia V, sinh ngày 20/01/2008. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp; anh C không có trách nhiệm với gia đình, chơi bời, nghiện ma túy, không lo làm ăn kinh tế, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không khí gia đình ngày càng căng thẳng, nặng nề. Anh C đã hai lần đi cải tạo 2 lần vì nghiện ma túy, hiện nay anh C đang chấp hành án tại đội 25, phân trại số F Trại giam T, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, chị H xin được trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung : Vợ chồng không có tài sản chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản ghi lời khai, bị đơn anh Bùi Văn C trình bày: Anh xác nhận về quá trình vợ chồng lấy nhau và có 01 con chung như chị H trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 do anh C vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Nay chị H có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh, quan điểm của anh cho rằng anh với chị H vẫn cần có một số vấn đề cần bàn bạc nên anh không đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Anh đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh đồng ý để chị H nhận nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Thanh H và anh Bùi Văn C xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/03/2008, đến nay có 01 con chung. Quá trình chung sống, đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách; hơn nữa, anh C đã đi cải tạo 2 lần vì nghiện ma túy, hiện nay anh C cũng đang chấp hành án tại đội 25, phân trại số F Trại giam T, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên tình cảm vợ

chồng càng xa cách, mâu thuẫn trầm trọng hơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị **H** được ly hôn anh **C**; về con chung: Giao con chung là **Bùi Gia V**, sinh ngày 20/01/2008 cho chị **H** nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận; về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Chị **Phạm Thị Thanh H** khởi kiện xin ly hôn anh **Bùi Văn C**. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn **quận L, thành phố Hải Phòng**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Bị đơn anh **Bùi Văn C** vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Thanh H** và anh **Bùi Văn C** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường phường T, quận H, thành phố Hải Phòng** vào ngày 12/3/2008 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, lối sống, tính cách và anh **C** không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã nhau. Anh **C** đã đi cải tạo 2 lần vì nghiện ma túy, hiện nay anh **C** cũng đang chấp hành án tại đội 25, phân trại **số F Trại giam T, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa anh **C** và chị **H** tại địa phương cho thấy: Anh **C** hiện đang đi chấp hành án, chị **H** cũng không còn sinh sống tại địa phương. Do vậy, việc chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **C** là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **C** đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho chị **Phạm Thị Thanh H** được ly hôn anh **Bùi Văn C** là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Bùi Gia V**, sinh ngày 20/01/2008, chị **H** xin được nuôi dưỡng con chung, anh **C** hiện nay đang đi chấp

hành án. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị **H** và anh **C** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị **H** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Phạm Thị Thanh H** và anh **Bùi Văn C**.
2. Về con chung: Giao con chung là **Bùi Gia V**, sinh ngày 20/01/2008 cho chị **H** được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **H** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị **H** đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0005672 ngày 17 tháng 10 năm 2023.

Chị **H** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **C** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. Thượng Lý, Hồng Bàng, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Lê Thị SỰ**